



## **ĐỊA DANH CHỈ NGHỀ NGHIỆP: MỘT ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI VIỆT Ở BÌNH THUẬN**

*Nguyễn Thị Thu Thủy\**

*Trường Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh*

*Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16-01-2016; ngày phản biện đánh giá: 19-01-2017; ngày chấp nhận đăng: 25-5-2017*

### **TÓM TẮT**

*Bình Thuận là vùng đất mới sáp nhập vào lãnh thổ Đàng Trong của chúa Nguyễn vào cuối thế kỷ thứ XVII, là nơi dừng chân của nhiều lớp lưu dân người Việt từ miền ngoài vào. Bình Thuận đã hình thành nhiều địa danh phản ánh nghề nghiệp, các hình thức mưu sinh của lớp lưu dân này trên bước đường khai hoang lập làng xóm. Các ngành nghề khai thác biển, nghề nông và nghề thủ công, một mặt vừa phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người nhưng mặt khác cũng phản ánh sự thích nghi, tận dụng môi trường tự nhiên để sinh tồn. Lớp địa danh này cho thấy sự cần cù, chăm chỉ và đầy sáng tạo của người Việt để chinh phục, chế ngự thiên nhiên trong quá trình mở mang bờ cõi.*

**Từ khóa:** địa danh, địa danh Bình Thuận, địa danh chỉ nghề nghiệp.

### **ABSTRACT**

#### ***Toponyms reflecting careers: a cultural characteristic of Vietnamese people in Binh Thuan province***

*Binh Thuan was the new land annexed to Cochinchina territory of the Nguyen Lords in late 17<sup>th</sup> century, the place where various classes of Vietnamese migrants from the Middle region or external areas settled. On Binh Thuan gentle land, many toponyms reflecting professions, living forms of those classes on the way to reclaim and establish new communes were formed. The jobs relating to marine exploitation, agriculture and handicrafts, serving the essential needs of the people on one hand but reflecting the adaptation, taking the advantage of the natural environment for their survival on the other hand. This group of toponyms showed the diligence, industriousness and creation of Vietnamese people to conquer, tame the nature in the ancestors' territory-expanding career.*

**Keywords:** toponyms, toponyms in Binh Thuan, toponyms reflecting careers.

### **1. Dẫn nhập**

Bình Thuận, một trong các tỉnh thuộc cực Nam Trung Bộ, được sáp nhập vào lãnh thổ Đàng Trong của chúa Nguyễn vào cuối thế kỷ thứ XVII. Hiện nay ở Bình

Thuận có 34 tộc người sinh sống, trong đó người Việt chiếm 75% dân số toàn tỉnh. Trên hành trình về phương Nam, vùng đất này là nơi dừng chân của rất nhiều lớp lưu dân người Việt. Bình Thuận xưa kia có hai

\*Email: 2002trunghanguyen@gmail.com

vùng được xem là nơi đầu tiên cư dân người Việt đến lập nghiệp đông nhất, đó là Phan Rí - Chợ Lầu và Phan Thiết - Mũi Né. Theo tài liệu *Địa chí Bình Thuận*, lớp lưu dân người Việt từ vùng Thanh - Nghệ - Quảng nghèo khó vào vùng Phan Rí - Chợ Lầu sinh sống tạo cơ sở cho việc hình thành huyện Hòa Đa vào cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XVIII; một số khác từ miền Trung, nhất là vùng giao tranh giữa hai thế lực phong kiến Trịnh – Nguyễn, đến vùng Phan Thiết - Mũi Né tìm chốn an cư. Một số đi theo đường biển lập nên các vạn ven biển và một số đi theo đường bộ đã dừng chân khẩn đất hoang hóa, lập nên ruộng vườn, làng xã... Ngoài các trung tâm trên đây, người Việt còn có mặt ở đảo Phú Quý khai phá đất trồng trọt và đánh cá vào khoảng thế kỉ XVII. Sang thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX, “dưới chế độ triều Nguyễn, cộng đồng người Việt ở Bình Thuận không ngừng phát triển với hàng loạt làng xã ra đời được quản lí theo hệ thống hành chính thống nhất của cả nước...” (Nhiều tác giả, 2006, tr.107).

Trong quá trình sinh tụ trên mảnh đất này, người Việt một mặt mang theo những ngành nghề truyền thống của mình đến mảnh đất mới để sinh cơ lập nghiệp, một mặt lợi dụng ưu đãi, lợi thế của thiên nhiên để cải biến hoặc tạo ra nghề nghiệp mới để mưu sinh. Điều này đã in dấu vào rất nhiều địa danh ở Bình Thuận. Địa danh là tên gọi để định danh và cá thể hóa các đối tượng địa lí tự nhiên và nhân tạo gắn liền với đất, là một sản phẩm của văn hóa, là đối tượng mang chứa nhiều thông tin, phẩm chất của

văn hóa. Địa danh là tên gọi thể hiện rõ đặc trưng lựa chọn của con người.

Bài viết này áp dụng cách tiếp cận địa danh học và địa văn hóa, sử dụng phương pháp thống kê phân loại nhằm phác thảo một số nghề nghiệp mưu sinh đặc trưng của người Việt ở vùng đất cực Nam Trung Bộ này.

## 2. Kết quả thu thập và phân loại địa danh chỉ nghề nghiệp

Qua quá trình điền dã 5 đợt từ tháng 08/2012 đến tháng 12/2014 tại thành phố Phan Thiết, huyện Bắc Bình, huyện Tánh Linh ở tỉnh Bình Thuận, thu thập tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, chúng tôi xử lí được 101 địa danh chỉ các hoạt động nghề nghiệp khác nhau trong tổng số hơn 3000 địa danh đã thu thập, trong đó có 3 địa danh được cấu tạo bởi 4 tiếng, 7 địa danh cấu tạo bởi 3 tiếng, 44 địa danh cấu tạo bởi 2 tiếng, 57 địa danh cấu tạo bởi 1 tiếng.

Trong nghiên cứu địa danh học, địa danh được phân chia thành các loại và tiêu loại khác nhau dựa trên thành tố chung hay thành tố riêng của chúng. Cách phân loại của chúng tôi trong bài nghiên cứu này chủ yếu dựa trên thành tố riêng có tính khu biệt và cá thể hóa đối tượng. Việc phân loại địa danh có thể dựa trên các tiêu chí sau:

*Về mặt nguồn gốc ngôn ngữ*, trong số 101 địa danh nghề nghiệp có 10 địa danh được cấu tạo từ các yếu tố Hán Việt, 84 địa danh cấu tạo từ các yếu tố thuần Việt, 6 địa danh tiếng Pháp, 1 địa danh hỗn hợp Việt - Chăm.

*Về mặt phân bố*, địa danh chỉ nghề nghiệp nhìn chung tập trung ở ven biển của

thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi, đảo Phú Quý, còn lại là các địa danh ở huyện Bắc Bình, Đức Linh và Hàm Thuận Bắc.

Về các trường ngữ nghĩa chỉ nghề nghiệp, chúng tôi thấy xuất hiện 4 nhóm chính: khai thác biển, nông nghiệp, thủ công và tổ chức cộng đồng liên quan đến nghề nghiệp.

Về chủ thể đặt tên gọi, trong số 101 địa danh chỉ nghề nghiệp chỉ có 9 địa danh hành chính, còn lại là địa danh có nguồn gốc dân gian, một số ít từ địa danh dân gian chuyển sang địa danh hành chính.

Kết quả thu thập và phân loại địa danh chỉ nghề nghiệp ở Bình Thuận dựa trên 3 tiêu chí như bảng sau:

Bảng phân loại địa danh chỉ nghề nghiệp ở Bình Thuận

Tiêu chí phân loại	Nguồn gốc ngôn ngữ				Ngữ nghĩa chỉ nghề nghiệp				Chủ thể đặt tên	
	Thuần Việt	Hán Việt	Pháp	Hỗn hợp	Khai thác biển	Nông nghiệp	Thủ công	Tổ chức cộng đồng	Dân gian	Hành chính
101 địa danh	84	10	6	1	38	37	20	7	92	9
	83%	10%	6%		37%	36%	20%	7%	91%	9%

Bảng phân loại trên cho thấy địa danh thuần Việt chiếm một tỉ lệ áp đảo trong tổng số địa danh chỉ nghề nghiệp ở Bình Thuận, địa danh chỉ hoạt động khai thác kinh tế từ biển và các hoạt động nông nghiệp là những nhóm nghĩa nổi bật.

### 3. Địa danh ở Bình Thuận phản ánh quá trình mưu sinh và lập nghiệp của cư dân Việt ở địa phương

Địa danh chứa những thông tin về tinh thần, văn hóa, xã hội, lịch sử, ngôn ngữ và chính trị. Qua đó có thể nhận ra những đặc trưng về thiên nhiên, xã hội, trong quá khứ và hiện tại của những vùng đất có người cư trú. (Hoàng Thị Châu, 2013).

Qua 101 địa danh thu thập được dù là hiện tồn hay không thì những nội dung hàm chứa của chúng vẫn kể lại cho hậu thế nhiều điều thú vị về quang cảnh và các

hình thức mưu sinh của cha ông xưa.

#### 3.1. Tổ chức cộng đồng liên quan đến nghề nghiệp

Nếu như thiết thể làng xã là sản phẩm của hình thức tổ chức cộng đồng theo phương thức sản xuất nông nghiệp thì hình thức tổ chức cộng đồng của những người làm nghề biển, khai thác, đánh bắt hải sản lại là các vạm chài. Ở Bình Thuận, cuối thế kỉ XVII, những ngư dân của các tỉnh miền Trung lần lượt đổ bộ lên khai phá vùng đất mới ở Phan Thiết (Bình Thuận) còn lắm hoang vu, khắc nghiệt. Họ mong tránh cảnh loạn lạc, khốn cùng ở miền quê cũ, tìm được một chốn an cư lạc nghiệp lâu dài. Có lẽ do ảnh hưởng của tên làng xã là địa danh Hán - Việt nơi quê hương cũ nên các tên gọi của vạm chài cũng có nguồn gốc Hán - Việt.

Sử sách và dân gian thường gọi

những nhóm lưu dân đầu tiên có mặt ở Phan Thiết là “lưu dân Ngũ Quảng” (tức gồm Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Thuận, Quảng Nam, Quảng Ngãi). Theo truyền thống ở miền quê cũ, họ lập ra các vựa nghề cá (vựa Chài) ở ven biển theo từng nhóm dân cư tập trung trước khi có chính quyền làng xã. Hiện ở Bình Thuận còn lưu được 7 tên gọi của Vựa Chài, chủ yếu là tên gọi có nguồn gốc Hán - Việt như vựa An Thạnh (xã Tam Thanh, huyện Phú Quý), vựa Quảng Bình (P. Bình Hưng, TP. Phan Thiết), vựa Đàng Bình (P. Bình Hưng, TP. Phan Thiết), vựa Nam Hải (P. Bình Hưng, TP. Phan Thiết), vựa Khánh Long (P. Đức Long, TP. Phan Thiết), vựa Thủy Tú (P. Đức Thắng, TP. Phan Thiết), vựa Nam Nghĩa (P. Đức Thắng, TP. Phan Thiết). Trong số này, các địa danh Hán - Việt mang hai nét nghĩa: phản ánh sự tri nhận về cảnh sắc thiên nhiên ngay từ khi mới đặt chân đến như vựa Thủy Tú, nói lên vùng biển giàu đẹp, phản ánh mong muốn, khát vọng về cuộc sống nơi vùng đất mới như vựa An Thạnh, vựa Khánh Long, phản ánh mối quan hệ tương nhớ về quê hương gốc tích như vựa Quảng Bình, vựa Đàng Bình, vựa Nam Nghĩa do ngư dân Quảng Nam đặt vào khoảng thế kỉ thứ XVIII. Lịch sử hình thành vựa Chài, trong đó có vựa Thủy Tú gắn liền với lịch sử hình thành thành phố Phan Thiết và tỉnh Bình Thuận của lớp ngư dân đầu tiên vào khai phá, xây dựng nên một vùng biển “trên bến dưới thuyền” với ngành nghề đánh bắt hải sản có truyền thống gần 300 năm nay.

### 3.2. Ngành khai thác biển

Văn hóa mưu sinh luôn là một mảng màu mà địa danh các vùng miền đều tập trung phản ánh. Địa danh Bình Thuận cũng nằm trong xu thế chung đó. Trong văn hóa mưu sinh, khai thác kinh tế biển có số lượng địa danh chiếm tỉ lệ nổi bật 37% với 38 tên gọi. Khi tiếp tục phân loại trường ngữ nghĩa chỉ hình thức khai thác kinh tế biển chúng tôi nhận thấy các tiểu nhóm nhỏ được cấu trúc theo 3 yếu tố mang tính hệ thống: hình thức khai thác, công cụ/ phương tiện hỗ trợ cho việc khai thác và sản phẩm khai thác hay chế biến do ngư trường mang lại. Về hình thức khai thác kinh tế biển, chủ yếu là làm muối, câu, lặn được thể hiện qua các địa danh: xóm Láng Muối (xã Tiến Thành, TP. Phan Thiết), xóm Câu (P. Đức Long, TP. Phan Thiết), xóm Lặn (P. Phú Hải, TP. Phan Thiết), cầu Sở Muối (P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết)... Về công cụ, phương tiện hỗ trợ cho việc khai thác, đánh bắt, chế biến hải sản gồm có chài, lưới, cồn chà, lưới rùng, ghe, chỉ làm lưới, tin làm nước mắm được phản ánh trong các địa danh: đường Lưới (P. Đức Thắng, TP. Phan Thiết) người Pháp gọi là *rue des Flets*, đường Ghe Thuyền (P. Đức Thắng, TP. Phan Thiết) người Pháp gọi là *rue de Barques*, xóm Cồn Chà (P. Đức Long, TP. Phan Thiết), xóm Chài (TP. Phan Thiết), xóm Ghe (P. Đức Long, TP. Phan Thiết), xóm Nhà Chồ (P. Đức Thắng, TP. Phan Thiết), xóm Nhà Chồ (P. Bình Hưng, TP. Phan Thiết), xóm Rùng (TT. Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong), làng Chài (xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong), bến Tin, xóm

Chi hay Xe Chi (P. Đức Thắng, TP. Phan Thiết)... Về sản phẩm khai thác hay chế biến do biển mang lại khá phong phú thể hiện qua các địa danh: chợ Cá Biển La Gi (P. Tân Thiện, TX. La Gi), chợ Cá Biển bên sông Cà Ty (TP. Phan Thiết), xóm Ghe (P. Lạc Đạo, TP. Phan Thiết), xóm Ốc (P. Phú Hải, TP. Phan Thiết), đường Cá Nục, đường Cá Mòi, đường Cá Cơm, đường Cá Đò Dạ (P. Đức Thắng, TP. Phan Thiết), hòn Thu (tên gọi huyện Phú Quý ngày xưa) hàm ý đây là một ngư trường đánh bắt cá thu lớn của cả nước, bến Nước Mắm (P. Đức Thắng, TP. Phan Thiết)...

Các địa danh này gắn với công việc mưu sinh trong môi trường biển của bà con như chuyên câu, lặn, làm nghề chài lưới, đánh bắt bằng hình thức nhà chồ (là những căn lán nhỏ trên bãi, sông, phá phục vụ những người đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản) hay dùng lưới rừng (lưới rừng là ngư cụ khai thác thủy sản theo phương pháp lọc nước lấy cá. Ngư trường khai thác chính của lưới rừng chủ yếu ở vùng ven bờ biển, sông, hồ, đầm, khi đánh bắt phải dùng sức của tập thể để kéo) rất phổ biến nơi đây. Tuy vậy, hình thức đánh bắt và các công cụ, phương tiện hỗ trợ đều mang tính thô sơ, đơn giản, phản ánh trình độ khai thác biển lúc bấy giờ còn mang tính truyền thống, chưa phát triển.

Tuy vậy, khi mới đặt chân lên vùng đất này, con người mưu sinh chủ yếu dựa vào tự nhiên là chính. Cuối thế kỉ XVII, nhiều lớp lưu dân người Việt từ miền ngoài đã đổ bộ vào khu vực bờ biển Phan Thiết đã chứng kiến “sự trù phú của biển Đông

bày ra trước mắt với cái cảnh sớm sớm mặt nước chao động bởi chón sóng của các đàn cá mòi dày đặc nổi gần bờ, hay ngoài xa kia, từng bầy cá voi với thân hình bóng loáng đang chập chờn phun cao vòi nước (Trương Quốc Minh, 1998, tr.8).

Vì vậy, những gì con người khai thác được cũng chính là những sản vật có sẵn của biển khơi. Tương truyền đảo Phú Quý là ngư trường đánh bắt cá thu lớn nhất của tỉnh Bình Thuận nên mới có tên gọi là hòn Thu, hay cù lao Thu. Cho đến nay Bình Thuận vẫn là một trong 3 ngư trường lớn nhất nước trải rộng trên khoảng 52 nghìn km<sup>2</sup> với trữ lượng khai thác hàng năm đạt khoảng 240.000 tấn hải sản các loại. Đặc biệt, nước mắm Phan Thiết đã nức danh khắp cả nước từ thời Phan Thiết có tên là Tổng Đức Thắng (1809) và đã được bán ở Đàng Ngoài. Từ nguyên liệu chủ yếu là cá cơm và muối hạt của biển Phan Thiết, từ bàn tay và khối óc của con người, nước mắm đã trở thành đặc sản, một thứ “quốc hồn quốc túy” không thể thiếu trên bàn ăn của người Việt.

Như vậy, tên gọi làng xóm, bến, chợ, đường... ban đầu trên mảnh đất Bình Thuận bao giờ cũng mộc mạc, chân chất gắn với đặc điểm ngành nghề sinh sống của các cụm dân cư xưa khi mới đặt chân đến vùng đất này.

### 3.3. Ngành nông nghiệp

Bên cạnh các địa danh chỉ các ngành nghề khai thác kinh tế biển thì địa danh chỉ hoạt động nông nghiệp cũng là một mảng khá phổ biến, có 33 địa danh, chiếm tỉ lệ 32,6%. Cư dân Việt trên bước đường mưu

sinh đã lựa chọn cho mình một không gian sinh sống phù hợp với khí hậu nhiều nắng và gió, đất cát khô cằn chứ không màu mỡ như đồng bằng sông Hồng hay sông Mã. Trong bước đường khẩn hoang lập nghiệp, họ đã chọn trồng các loại cây có thể chịu được khí hậu và thổ nhưỡng nơi đây để hình thành nên các địa danh vừa phản ánh các loại cây nông nghiệp như dừa, mít, mía, tiêu, khoai, sắn, thơm vừa phản ánh một tinh thần lao động hăng say, cần mẫn và sáng tạo để thích ứng với môi trường thiên nhiên và để sinh tồn lâu dài trên vùng đất mới. Ở Bình Thuận, ta có thể tìm thấy các địa danh mô tả một cách đa dạng phong phú các loại cây trồng của một vùng đất trên một đất nước thuần nông. Nhiều nhất trong số các tên gọi của cây nông nghiệp đó là sen. Sen có mặt khắp nơi ở Bình Thuận, trong đó có cả sen mọc tự nhiên và sen trồng, trong thời gian gần đây việc đưa mô hình trồng sen xen lúa vào lĩnh vực nông nghiệp ở một số huyện như Bắc Bình, Đức Linh, Hàm Thuận Bắc đã mang lại lợi ích kinh tế cao cho bà con nông dân. Điều này phản ánh qua một loạt các tên gọi: gò Dừa (xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc), đồi Chuối (xã Sùng Nhơn, huyện Đức Linh), bầu Sen (xã Đa Kai, huyện Đức Linh), bầu Sen (xã Nam Chính, huyện Đức Linh), xóm Dừa (TT. Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong; P. Bình Hưng, TP. Phan Thiết), xóm Mía (xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc; xã Nam Chính, huyện Đức Linh), xóm Mít (xã Nam Chính, huyện Đức Linh), xóm Tiêu (xã Nam Chính, huyện Đức Linh), xóm

Khoai (P. Phú Thủy, TP. Phan Thiết), rẫy Thơm (xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc), rẫy Sắn (P. Mũi Né, TP. Phan Thiết).

Xóm Mía trước đây thuộc thôn Xuân Đài, xã Tân Xuân Thượng. Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30-4-1975, xóm Mía thuộc thôn Thuận Dân, tên mới là Hợp 2 hoặc thôn 2, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, nằm về phía Bắc trung tâm xã. Gọi là xóm Mía vì từ xưa đất đai thổ nhưỡng ở đây rất thích hợp với cây mía và bà con nông dân xóm này chuyên trồng mía nấu đường, làm nguồn sống chính. Đến nay, trong xu thế chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng nguồn thu nhập cho nông dân, lại có nguồn nước sông Quao đổ về, xóm Mía không độc canh cây mía nữa mà đã chuyển sang trồng đào lộn hột, trồng thanh long, vườn đất sum suê xanh ngắt.

Ngoài các địa danh chỉ các loại cây trồng gắn trực tiếp với tên gọi còn có những địa danh gắn với sản vật nông nghiệp của địa phương nổi danh qua các câu ca dao sau:

*Tiếng đồn Đại Năm nhiều xoài,  
Xuân Phong nhiều cốm, Phú Tài mạch nha.*

Hay

*“Đại Năm nhiều bưởi/ Phú Hội  
chuối xoài/ Phú Tài mạch nha/ Xuân  
Phong cốm gạo”.*

Ba làng Đại Năm, Xuân Phong, Phú Tài xưa thuộc tổng Lại An phủ Hàm Thuận nay thuộc thành phố Phan Thiết, là vùng đất đai phì nhiêu, cây lành, trái ngọt. Cây trái xứ này nhiều nhưng chủ yếu vẫn là bưởi, chuối và xoài. Xoài có nhiều thứ:

xoài Náp, xoài Tượng, xoài Thanh Ca... không xơ, thịt bùi, ngọt lịm. Còn cốm Xuân Phong không sang trọng như “cốm làng Vòng” bọc lá sen xứ Bắc nhưng không kém phần tinh túy, thơm ngon, mang hương vị riêng. Nếp ba tháng rang lên, ngào với nước đường, đóng thành miếng vuông vức gọn trong bàn tay. Khi cầm lên miếng cốm trắng tinh, thoảng thơm hương sữa, ngọt lịm vị đường cát, người thưởng thức như nếm trái cả quá trình lao động vất vả, chăm chút của người làm cốm qua nhiều công đoạn. Cốm Xuân Phong đã trở thành đặc sản của quê hương Bình Thuận. Duy có món mạch nha hiện nay không còn thấy ai làm nữa.

#### 3.4. Ngành nghề thủ công

Không kém phong phú so với địa danh chỉ hoạt động nông nghiệp, địa danh chỉ ngành nghề thủ công có 20 tên gọi, chiếm tỉ lệ 20%. Nổi bật trong đó là các địa danh chỉ nghề thủ công phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của con người như ăn có xóm Lò Bún, xóm Bún (P. Đức Nghĩa, TP. Phan Thiết), xóm Lò Đường (TP. Phan Thiết), xóm Bánh Tráng (P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết); mặc có làng Lụa (TT. Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc), xóm Lụa (xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình), xóm Tằm (xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình); phục vụ nhu cầu xây dựng nhà ở có xóm Lò Gạch (xã Gia An, huyện Tánh Linh). Ngoài ra, các địa danh phản ánh nghề thủ công gắn với hoạt động nông nghiệp như xóm Lò Thổi (xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc); phục vụ cho nghề khai thác biển và chuyên chở hải sản, xây dựng, kiến thiết thị xã

Phan Thiết lúc bấy giờ có các địa danh xóm Trại (xã Tiên Thành, TP. Phan Thiết), xóm Trại Cua, bến Thợ Mộc (P. Đức Nghĩa, TP. Phan Thiết), xóm Lò Tin (xã Tiên Lợi, TP. Phan Thiết), xóm Lò Vôi (huyện Hàm Thuận Bắc), vùng đất Ba Hộ (P. Phú Hải, TP. Phan Thiết) gắn với nghề chế biến nước mắm...

Trước và sau năm 1945, ở làng Phú Bình, nay là thôn Thuận Thắng, còn gọi là “Hợp 5”, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, có một xóm nhỏ chừng 10 nóc nhà chuyên nghề rèn cuốc, rựa, dao, liềm, hái phục vụ nghề nông nổi tiếng một thời. Sáng sớm đứng từ xa nhìn vào xóm thấy khói lò bay trên nóc nhà, đến gần xóm hơn chút nữa thì nghe rõ tiếng bễ thụt thổi phì phò. Từ sáng đến chiều trong xóm không có tiếng động nào khác ngoài tiếng bễ thụt thổi gió vào lò rèn và tiếng búa đe vang lên chan chát. Chính từ đặc điểm ngành nghề này đã tạo cho xóm nhỏ làng Phú Bình xưa địa danh Lò Thổi.

Xóm/ đường Trại Cua nay thuộc khu phố 7, phường Đức Nghĩa (TP. Phan Thiết) được hình thành từ đầu thế kỉ XX, cách đây hơn 100 năm. Vào năm 1898, Phan Thiết tách khỏi phủ Hàm Thuận để trở thành thị xã, tỉnh lỵ tỉnh Bình Thuận. Việc xây dựng dinh thự, công sở, phố xá, nhà xưởng, đóng ghe, đan thúng... cần rất nhiều gỗ, tre, dầu rái... và nhân công.

“Lúc bấy giờ đường giao thông chưa phát triển nên đường thủy là đường vận chuyển thuận lợi nhất. Sông Cà Ty từ núi xa đổ về mang theo tất cả các loại nguyên liệu rừng xuôi về đây. Ven sông, dọc theo phường Đức Nghĩa

hiện nay, các trại gỗ, trại tre, trại cưa, trại đóng thuyền mọc lên san sát. Ngày đêm, tiếng hò kéo tre, kéo gỗ từ sông lên trại, tiếng cưa, tiếng đục, tiếng bào vang lên rộn rã. Công nhân lao động kéo về ngày càng đông hình thành nên xóm Trại Cưa sầm uất”. (Lâm Quang Hiền, 2005, tập 1, tr.45)

Đầu thập niên 30, khi mở mang thành phố Phan Thiết, nhà cầm quyền Pháp đã mở con đường ven hữu ngạn sông Cà Ty, nơi tập trung các bến tre, bến gỗ, trại tre, trại cưa... và đặt tên là Route des Charpentiers – đường Trại Cưa, tức là đường Trung Nhị ngày nay, nối từ cầu Trần Hưng Đạo đến bên trên cầu Dục Thanh.

Nghề nuôi tằm, dệt lụa nức tiếng qua các địa danh xóm Lụa ở làng Xuân Hội, Hiệp Thành nay là xã Hồng Thái (huyện Bắc Bình), xóm Tằm (xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình). Theo tài liệu “Nghề thủ công truyền thống dân gian ở Bình Thuận” thì xóm Tằm, tên gọi của làng Xuân Hội nằm ở tả ngạn sông Thương, một vùng dân cư chuyên nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ cung cấp cho một làng lân cận nằm ở hữu ngạn sông Thương chuyên nghề dệt lụa với biệt danh xóm Lụa, tên gọi của làng Thương Thủy (nay là thôn Hiệp Thành, xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình). Từ năm 1908, địa danh xóm Lụa còn được gọi ở Phú Long (xã Hàm Nhơn, huyện Hàm Thuận Bắc) nơi tiếp giáp 3 con sông: sông Cạn, sông Cái, sông Quao nên còn gọi là xóm “Ngã Ba Sông”. Hồi ấy, ven sông Thương (Chợ Lầu) và ngã ba sông (Phú Long) có nhiều đất bãi trồng dâu xanh tốt

nhờ nghề nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa sớm phát triển, tạo nên cuộc sống trù phú của dân làng. Đến phiên chợ, nghệ nhân các xóm Lụa ven sông Thương, ngã ba sông Phú Long mang lụa tới bán. Khách hàng bốn phương đổ về mua tấp nập. Chiếc áo dài bằng lụa mịn màng, óng ả làm cho các cô gái có vẻ đẹp thêm nền nã, dịu dàng.

Gắn với lịch sử hình thành và phát triển của thành phố Phan Thiết là địa danh đất Ba Hộ. Theo Lâm Quang Hiền (2005, tập 3) thì đất Ba Hộ là địa danh dân gian chỉ vùng đất Phố Hải xưa giàu tiềm năng kinh tế và sớm phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh từ giữa thế kỉ XIX. Hồi ấy, hộ là ngành nghề sản xuất kinh doanh do nhà vua cho phép, quản lí và thu thuế. Năm 1851, theo lời xin của Kinh lược sứ Phan Thanh Giản, vua Tự Đức chuẩn y cho dân Bình Thuận lập các “hộ” và Phố Hải nổi tiếng là đất Ba Hộ gồm Hộ bạch đàm, Hộ nước mắm, Hộ ghe bầu, riêng làng Tân Phú có thêm Hộ muối. (tr.68).

Hộ bạch đàm chuyên dệt đệm trắng bằng lá buông. Lá buông phơi khô rọc từng mảnh dài rộng khoảng 1cm rồi nối lại đem dệt thành đệm dài 4 – 6m, khổ rộng 0,5 – 0,8m và cuộn thành bó tròn coi như một đơn vị hàng hóa. Đệm trắng dùng làm đệm buồm cho ghe thuyền đi biển, đi sông, làm bao bì đựng muối, hải sản khô và làm dải băng viết khẩu hiệu. Trước năm 1945, đệm trắng Phú Hải ngoài việc phục vụ cho thuyền buồm, bao đệm trong tỉnh, còn xuất đi Chợ Lớn, Đà Nẵng, Tuy Hòa, Quảng Ngãi, Quy Nhơn. Đến năm 1970 còn xuất đi Sài Gòn – Chợ Lớn khoảng 8000 tấn/ năm



Cùng với Hộ bạch đàn, Hộ ghe bầu vận tải cũng phát triển sớm từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XX, tồn tại trên 200 năm. Lúc bấy giờ ở nước ta giao thông vận tải Bắc – Nam chủ yếu bằng đường biển với loại ghe bầu có trọng tải lớn chở được 10.000 đến 20.000 tấn nước mắm hoặc 10 đến 14 tấn hàng hóa khô. Ngày xưa, cửa biển Phố Hải rộng và sâu rất thuận lợi cho thuyền lớn các nơi ra vào cập bến. Riêng Phố Hải, Hộ ghe bầu có tới 3 – 4 chục chiếc, cùng với ghe bầu Phan Thiết, Phan Rí Cửa, La Gàn, La Gi xuất nước mắm, hải sản khô, dầu rái, một dân dụng đi các tỉnh Trung Kỳ, Nam Kỳ, Hải Nam, Java và Singapore.

Cùng với Phan Thiết, Hộ nước mắm Phố Hải cũng nổi tiếng một thời. Đầu thế kỉ XX, Phố Hải có khoảng 30 hộ chuyên nghề chế biến nước mắm, người dân địa phương gọi chung là hàm hộ. Sản phẩm của mỗi hàm hộ được tính bằng que, mỗi que 12 thùng, mỗi thùng chứa từ 5 đến 7 tấn cá. Hàm hộ cỡ lớn lên tới chừng 100 thùng. Nguyên liệu chế biến nước mắm phổ biến là cá nục, cá cơm. Sản phẩm cuối cùng là nước mắm nhĩ, nước mắm lú màu vàng cánh gián vừa ngọt đậm, vừa mặn dịu, độ đậm cao cho vô tận xuất bán khắp

#### 4. Kết luận

Con người luôn là yếu tố trung tâm,

là chủ nhân đích thực của mọi nền văn hóa, quyết định và làm chủ sự lựa chọn của mình. Trần Quốc Vượng (1999) cho rằng: “Con người vừa là chủ thể sáng tạo văn hóa vừa là khách thể tiêu thụ, thưởng ngoạn, chiêm ngưỡng các thành tựu/ sản phẩm văn hóa do chính con người và đồng loại làm ra trong quá trình thích nghi và biến đổi tự nhiên” (tr.125). Qua nghiên cứu nhóm địa danh chỉ nghề nghiệp ở Bình Thuận cho thấy rằng người Việt có xu hướng mở mang bờ cõi về phương Nam, tìm cho mình vùng “đất lành chim đậu”. Họ luôn biết lựa chọn những gì tối ưu của thiên nhiên để mưu sinh bước đầu. Đó cũng chính là lí do các địa danh chỉ các hoạt động văn hóa được phân loại dựa trên ý nghĩa của thành tố riêng hầu hết là địa danh dân gian do chính những người lao động, những lớp lưu dân từ miền ngoài đặt tên cho xóm, làng, bến, bãi, đất... Chúng là những tên gọi thuần Việt, nôm na, dân dã, bình dị gắn với kế sinh nhai của người Việt, xuất hiện trong khoảng trên dưới 200 năm. Các lớp địa danh này vừa phản ánh sự lựa chọn cách sinh tồn của người Việt xưa trên một vùng đất mới được khai khẩn vừa phản ánh một cái nhìn không màu mè, hoa mỹ mà hết sức thực tế, gần gũi, mộc mạc của những điều nhỏ nhất nhưng cũng thiết thực nhất trong cuộc sống.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Kim Bằng (10/05/2015). Cây trái và con gái miệt vườn. Khai thác từ <http://phanthiet.binhthuan.gov.vn>.
- Hoàng Thị Châu. (17/03/2013). Địa danh nước ngoài trên bản đồ thế giới: khái niệm, thuật ngữ và phương thức nhập nội địa danh. Khai thác từ <http://ngonngu.net>.
- Lâm Quang Hiền. (2005). *Bản sắc truyền thống Bình Thuận qua các địa danh hành chính - lịch sử - cách mạng - kháng chiến - dân gian trên địa bàn thành phố Phan Thiết* – tập 1, 2, 3. Sở Khoa học Công nghệ Bình Thuận.
- Lê Trung Hoa. (2011). *Địa danh học Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Trương Quốc Minh. (1998). Tìm về Phan Thiết xưa, *100 năm thị xã Phan Thiết*. Ban Tuyên giáo Thị ủy – Phòng Văn hóa Thông tin bản tin Phan Thiết, tr.7-13
- Nhiều tác giả. (2006). *Địa chí Bình Thuận*. Sở Văn hóa Thông tin Bình Thuận.
- Sở Tài nguyên và môi trường Bình Thuận. (06/10/2013). Nghề thủ công truyền thống dân gian ở Bình Thuận. Khai thác từ <http://www.gocdulich.net>.
- Trần Thanh Tâm. (1976). Thử bàn về địa danh Việt Nam, *Nghiên cứu Lịch sử* số 3, 4; tr.60-73, tr.63 – 68.
- Hoàng Tất Thắng. (12/12/2014). Bước đầu tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử của địa danh làng xã Quảng Bình. Khai thác từ <http://www.vienvhnn.net>.
- Trần Quốc Vượng. (1999). *Việt Nam cái nhìn địa văn hóa*. Nxb Văn hóa dân tộc.